TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2026/HS-ST
Ngày 01 – 4 – 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Bà Đậu Thị Mỹ Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Công T, sinh năm 1989 tại Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: xóm G, thôn H, xã C, Thành phố Hà Nội; Nơi ơ: tổ B, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993 và có 03 con sinh năm 2018, 2022 và 2024;

Tiền án:

+ Ngày 28/06/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

+ Ngày 29/05/2025 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 06/11/2025, chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T3; "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường

T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Ông Đỗ Hữu T2, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1983; Địa chỉ: tổ E, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1998; Địa chỉ: tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Ông Vũ Năng H1, sinh năm 1988 ; Địa chỉ: tổ G, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1994; Địa chỉ; 6, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Bà Tạ Thị H2, sinh năm 1988; Địa chỉ: tổ B, khu phố V, phường P, tỉnh Đồng Nai; mặt".

+ Ông Lê Phát Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: A, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai; mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T là người đã có tiền án về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Từ tháng 10/2024, Nguyễn Công T đến thuê phòng trọ sinh sống tại khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai để cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất từ 20%/tháng đến 41,67%/tháng và thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ xác định từ tháng 10/2024 đến ngày 06/11/2025, Nguyễn Công T đã bỏ ra số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để cho 08 người vay tiền trong 42 lần cho vay với lãi suất cao và thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Ngày 05/10/2024, T cho ông Lê Phát Đ, ngụ tại A, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông Đ phải trả cả gốc và lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng), khi vay ông Đ phải trả tiền phí 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 21 ngày thì đến ngày 25/10/2024 ông Đ đã vay lần thứ 02 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 35,71%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 21 ngày là 93.520đ (chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.706.480đ (hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

- Ngày 25/10/2024, T cho ông Đ vay lần 02 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 18 ngày thì đến ngày 11/11/2024 ông Đ đã vay lần thứ 03 và T đã trừ hết

số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 41,67%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 18 ngày là 80.160đ (tám mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.719.840đ (hai triệu bảy trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

- Ngày 11/11/2024, T cho ông Đ vay lần 03 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 18 ngày thì đến ngày 28/11/2024 ông Đ đã vay lần thứ 04 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 41,67%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 18 ngày là 80.160đ (tám mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.719.840đ (hai triệu bảy trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

- Ngày 28/11/2024, T cho ông Đ vay lần 04 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông Đ phải trả cả gốc và lãi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), khi vay ông Đ phải trả tiền phí 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này ông Đ đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 25 ngày là 222.666đ (hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.377.334đ (năm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngày 23/12/2024, T cho ông Đ vay lần 05 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 04. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 15/01/2025 ông Đ đã vay lần thứ 06 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 31,25%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 24 ngày (từ 23/12/2024 đến 15/01/2025) là 213.760đ (hai trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.386.240đ (năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

- Ngày 15/01/2025, T cho ông Đ vay lần 06 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 04. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 23 ngày thì đến ngày 06/02/2025 ông Đ đã vay lần thứ 07 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 32,61%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 23 ngày (từ 15/01/2025 đến 06/02/2025) là 204.853đ (hai trăm lẻ bốn nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.395.147đ (năm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

- Ngày 06/02/2025, T cho ông Đ vay lần 07 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 04. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 25/02/2025 ông Đ đã vay lần thứ 08 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 37,50%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 20 ngày (từ 06/02/2025 đến 25/02/2025) là 178.133đ (một trăm bảy mươi tám nghìn một trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.421.867đ (năm triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

- Ngày 25/02/2025, T cho ông Đ vay lần 08 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 04 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 21/03/2025 ông Đ đã vay lần thứ 09 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 25 ngày (từ 25/02/2025 đến 21/03/2025) là 222.666đ (hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.577.334đ (bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngày 21/3/2025, T cho ông Đ vay lần 09 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông Đ phải trả cả gốc và lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng), khi vay ông Đ phải trả tiền phí 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 09/4/2025 ông Đ đã vay lần thứ 10 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 37,50%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 20 ngày (từ 21/3/2025 đến 09/4/2025) là 89.066đ (tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.710.934đ (hai triệu bảy mười nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngày 09/4/2025, T cho ông Đ vay lần 10 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông Đ phải trả cả gốc và lãi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), khi vay ông Đ phải trả tiền phí 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 07/5/2025 ông Đ đã vay lần thứ 11 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 25,86%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 29 ngày (từ 09/4/2025 đến 07/5/2025) là 258.293đ (hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.341.707đ (năm triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng).

- Ngày 07/5/2025, T cho ông Đ vay lần 11 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 28/5/2025 ông Đ đã vay lần thứ 12 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 34,09%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 22 ngày (từ 07/5/2025 đến 28/5/2025) là 195.946đ (một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.604.054đ (bốn triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn không trăm năm mươi mốt đồng).

- Ngày 28/5/2025, T cho ông Đ vay lần 12 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 17/6/2025 ông Đ đã vay lần thứ 13 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 35,71%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 21 ngày (từ 28/5/2025 đến 17/6/2025) là

187.040đ (một trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.612.960đ (bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn chin trăm sáu mươi đồng).

- Ngày 17/6/2025, T cho ông Đ vay lần 13 số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 10. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 11/7/2025 ông Đ đã vay lần thứ 14 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 25 ngày (từ 17/6/2025 đến 11/7/2025) là 222.666đ (hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.377.334đ (năm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Ngày 11/7/2025, T cho ông Đ vay lần 14 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 10. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 31/7/2025 ông Đ đã vay lần thứ 15 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 35,71%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 25 ngày (từ 17/6/2025 đến 11/7/2025) là 187.040đ (một trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.412.960đ (năm triệu bốn trăm mười hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

- Ngày 31/7/2025, T cho ông Đ vay lần 15 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 19/8/2025 ông Đ đã vay lần thứ 16 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 37,50%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 20 ngày (từ 31/7/2025 đến 19/8/2025) là 178.133đ (một trăm bảy mươi tám nghìn một trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.621.867đ (bốn triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

- Ngày 19/8/2025, T cho ông Đ vay lần 16 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 10/9/2025 ông Đ đã vay lần thứ 17 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 32,61%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 23 ngày (từ 19/8/2025 đến 10/9/2025) là 204.853đ (hai trăm lẻ bốn nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.595.147đ (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

- Ngày 10/9/2025, T cho ông Đ vay lần 17 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 03/10/2025 ông Đ đã vay lần thứ 18 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 31,25%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 24 ngày (từ 10/9/2025 đến 03/10/2025) là 213.760đ (hai trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất

chính là 4.586.240đ (bốn triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

- Ngày 03/10/2025, T cho ông Đ vay lần 18 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 10. Tuy nhiên, do không trả góp đầy đủ nên đến ngày 28/10/2025 ông Đ đã vay lần thứ 19 và T đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 28,85%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 26 ngày (từ 03/10/2025 đến 28/10/2025) là 231.573đ (hai trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.368.427đ (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngày 28/10/2025, T cho ông Đ vay lần 19 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 10 nhưng T chỉ thu 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí. Khoản vay này ông Đ chuyển tiền trả góp vào tài khoản cho T đến ngày 09/11/2025 với tổng số tiền 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng) thì phát hiện T bị Cơ quan điều tra bắt giữ nên ông Đ không trả nữa và ông Đ còn nợ T 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính T nhằm đạt được là 4.577.334đ (bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), tuy nhiên T mới thu lợi được 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phí.

2. Ngày 01/12/2024, T cho bà Tạ Thị H, ngụ tại tổ B, khu phố V, phường P, tỉnh Đồng Nai vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cả gốc và lãi là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), khi vay bà H phải trả tiền phí 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trong vòng 20 ngày, tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này bà H đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 55.666đ (năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.144.334đ (một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

3. Ngày 26/10/2024, T cho bà Lê Thị Q, ngụ tại 6, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền bà Q phải trả cả gốc và lãi là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng), khi vay bà Q phải trả tiền phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trong vòng 21 ngày, tương đương với lãi suất 37,14%/tháng. Khoản vay này bà Q đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.541.550đ (một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 17/11/2024, T cho bà Q vay lần 02 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà Q đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.541.550đ (một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 17/12/2024, T cho bà Q vay lần 03 số tiền 5.000.000đ (năm triệu

đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà Q đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.541.550đ (một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

4. Vào tháng 10/2024 (không rõ ngày), T cho ông Vũ Năng H1, ngụ tại tổ G, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông H1 phải trả cả gốc và lãi là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), khi vay ông H1 phải trả tiền phí 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày, tương đương với lãi suất 30%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 20 ngày thì ông H1 đã vay lần thứ 02 và T đã trừ hết số tiền ông V còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 37,50%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 20 ngày là 55.666đ (năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.694.334đ (một triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Vào tháng 11/2024 (không rõ ngày), T cho ông H1 vay lần 02 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi cho vay thì T đã trừ hết số tiền ông H1 còn thiếu của lần vay 01 và khoản vay này ông H1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 69.583đ (sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.680.417đ (một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

- Ngày 14/9/2025, T cho ông H1 vay lần 03 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này ông H1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 69.583đ (sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.680.417đ (một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

5. Ngày 04/8/2025, T cho bà Nguyễn Thị Ngọc S, ngụ tại tổ D, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền bà S phải trả cả gốc và lãi là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng), khi vay bà S không phải trả tiền phí và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trong vòng 21 ngày, tương đương với lãi suất 37,14%/tháng. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 10/8/2025, T cho bà S vay lần 02 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 25/8/2025, T cho bà S vay lần 03 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 15/9/2025, T cho bà S vay lần 04 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 26/9/2025, T cho bà S vay lần 05 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Ngày 10/10/2025, T cho bà S vay lần 06 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà S đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 58.450đ (năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.241.550đ (một triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng).

6. Ngày 15/4/2025, T cho ông Đỗ Hữu T1, ngụ tại phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông T1 phải trả cả gốc và lãi là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), khi vay ông T1 phải trả tiền phí 2.000.000đ (hai triệu đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 1.000.000đ (một triệu đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này ông T1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 278.333đ (hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 6.721.667đ (sáu triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Ngày 30/5/2025, T cho ông T1 vay lần 02 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này ông T1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 278.333đ (hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 6.721.667đ (sáu triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Ngày 18/6/2025, T cho ông T1 vay lần 03 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông T1 phải trả cả gốc và lãi là 37.500.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), khi vay ông T1 phải trả tiền phí 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này ông T1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 417.500đ (bốn trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 9.182.500đ (chín triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 04/10/2025, T cho ông T1 vay lần 04 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông T1 phải trả cả gốc và lãi là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), khi vay ông T1 phải trả tiền phí 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) trong vòng 21 ngày tương đương với lãi suất 37,14%/tháng. Tuy nhiên, sau khi ông T1 đóng tiền trả góp được tổng số tiền 19.600.000đ (mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng) thì không trả được nữa và ông T1 còn nợ T 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính T nhằm đạt được là 6.766.200đ (sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng), tuy nhiên T mới thu lợi được 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền phí.

7. Ngày 15/6/2025, T cho bà Nguyễn Thị G, ngụ tại tổ E, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền bà G phải trả cả gốc và lãi là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), khi vay bà G không phải trả tiền phí và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong vòng 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Khoản vay này bà G đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 133.600đ (một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.866.400đ (một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Ngày 17/8/2025, T cho bà G vay lần 02 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền bà G phải trả cả gốc và lãi là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), khi vay bà G không phải trả tiền phí và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) trong vòng 30 ngày tương đương với lãi suất 20%/tháng. Khoản vay này bà G đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 250.500đ (hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.749.500đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 18/9/2025, T cho bà G vay lần 03 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Tuy nhiên, sau khi bà G đóng tiền trả góp được 25 ngày với tổng số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) thì không trả được nữa nên bà G mới trả xong tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính T nhằm đạt được là 2.749.500đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng), tuy nhiên T chưa thu lợi thì đã bị bắt giữ.

8. Ngày 10/7/2025, T cho ông Nguyễn Đức N, ngụ tại tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai vay lần 01 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với hình thức trả góp hàng ngày. Tổng số tiền ông N phải trả cả gốc và lãi là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), khi vay ông N không phải trả tiền phí và mỗi ngày phải đóng tiền trả góp 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) trong vòng 30 ngày tương đương với lãi suất 20%/tháng. Khoản vay này ông N đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 250.500đ (hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.749.500đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 11/9/2025, T cho ông N vay lần 02 số tiền 15.000.000đ (mười lăm

triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này ông N đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng là 250.500đ (hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.749.500đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 11/9/2025, T cho ông N vay lần 03 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này ông N đã trả xong. Tuy nhiên, sau khi ông N đóng tiền trả góp được 16 ngày với tổng số tiền 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng) thì không trả được nữa và ông N còn nợ T 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính T nhằm đạt được là 2.749.500đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng), tuy nhiên T chưa thu lợi thì đã bị bắt giữ.

Ngày 05/11/2025 ông Đỗ Hữu T1 đã làm đơn tố giác Nguyễn Công T gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Qua xác minh, ngày 06/11/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã bắt, tạm giữ Nguyễn Công T để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra đã xác định Nguyễn Công T đã cho cho 08 người vay tiền trong 42 lần cho vay với lãi suất từ từ 20%/tháng đến 41,67%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Số tiền gốc Nguyễn Công T sử dụng để cho vay là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và số tiền Nguyễn Công T nhằm thu lợi bất chính là 149.392.432đ (một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng). Tuy nhiên, Nguyễn Công T mới thu lợi bất chính được 135.149.898đ (một trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám đồng) thì bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

- Vật chứng của vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax có gắn số thuê bao 0368619999 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354876092491179 có gắn số thuê bao 0707982789 của Nguyễn Công T.

Bản trạng số: 25/CT-VKSKV1 ngày 27/02/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Công Thành về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung được tóm tắt ở phần trên.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Công T đã ăn năn hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 10/2024 đến ngày 06/11/2025, Nguyễn Công T đã thực hiện hành vi cho 08 người vay tiền trong 42 lần cho vay với lãi suất từ 20%/tháng đến 41,67%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để nhằm thu lợi bất chính 149.392.432đ (một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng). Số tiền Nguyễn Công T sử dụng để cho vay là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và số tiền thu lợi bất chính thực tế đã chiếm đoạt được là 135.149.898đ (một trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám đồng). Đến ngày 06/11/2025, Nguyễn Công T bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo đã đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nước về việc cho vay trong giao dịch dân sự. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm tiền và thu lời bất chính nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát cung cấp tài liệu và đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bao gồm: Bị cáo có ông

nội là liệt sĩ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có 03 con còn nhỏ, là lao động chính trụ cột trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[6] Về hình phạt: Số tiền bị cáo thu lợi bất chính thực tế đã chiếm đoạt được là 135.149.898đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng). Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "*2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Như vậy, mặc dù khung hình phạt có quy định hình phạt chính là phạt tiền nhưng bị cáo là người đã có tiền án nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt tù để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng cho bị cáo một mức án, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 5.900.102đ (năm triệu, chín trăm nghìn, một trăm lẻ hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Công T đã thu của người vay nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà

- Đối với số tiền 49.400.000đ (bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng) là khoản tiền dùng để cho vay nên buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp lại để sung vào ngân sách nước.

- Đối với số tiền 7.449.300đ (bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của bà Nguyễn Thị Ngọc S nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền này.

- Đối với số tiền 24.425.834đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của ông Đỗ Hữu T1 nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho ông Đỗ Hữu T1 số tiền này.

- Đối với số tiền 4.615.900đ (bốn triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, chín trăm đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của bà Nguyễn Thị G nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền này.

- Đối với số tiền 5.499.000đ (năm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của ông Nguyễn Đức N nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho ông Nguyễn Đức N số tiền này.

- Đối với số tiền 5.055.168g (năm triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của ông Vũ Năng H nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho ông

Vũ Năng H số tiền này.

- Đối với số tiền 4.624.650đ (bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của bà Lê Thị Q nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho bà Lê Thị Q số tiền này.

- Đối với số tiền 1.144.334đ (một triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của bà Tạ Thị H1 nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho bà Tạ Thị H1 số tiền này.

- Đối với số tiền 82.335.712đ (tám mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm mười hai đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Công T thực tế đã thu của ông Lê Phát Đ nên buộc bị cáo Nguyễn Công T trả lại cho ông Lê Phát Đ số tiền này.

- Đối với số tiền 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) là tiền vay ông Lê Phát Đ chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Công T là phương tiện bị cáo Nguyễn Công T sử dụng vào việc phạm tội nên buộc ông Lê Phát Đ phải nộp lại 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà

- Đối với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) là tiền vay ông Đỗ Hữu T1 chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Công T, là phương tiện bị cáo Nguyễn Công T sử dụng vào việc phạm tội nên buộc ông Đỗ Hữu T1 phải nộp lại 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà

- Đối với số tiền 5.400.000đ (năm triệu, bốn trăm nghìn đồng) là tiền vay ông Nguyễn Đức N chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Công T, là phương tiện bị cáo Nguyễn Công T sử dụng vào việc phạm tội nên buộc ông Nguyễn Đức N phải nộp lại 5.400.000đ (năm triệu, bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354876092491179 của bị cáo Nguyễn Công T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.757.494đ (sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2025).

- Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 106; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tụng hình sự.

- Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2025.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp lại 5.900.102đ (năm triệu, chín trăm nghìn, một trăm lẻ hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải nộp lại 49.400.000đ (bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng) là phương tiện đã sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc S 7.449.300đ (bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho ông Đỗ Hữu T1 24.425.834đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị G 4.615.900đ (bốn triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, chín trăm đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho ông Nguyễn Đức N 5.499.000đ (năm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho ông Vũ Năng H 5.055.168đ (năm triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho bà Lê Thị Quỳnh 4 (bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho bà Tạ Thị H1 1.144.334đ (một triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải trả lại cho ông Lê Phát Đ 82.335.712đ (tám mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

Buộc ông Lê Phát Đ phải nộp lại 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Đỗ Hữu T1 phải nộp lại 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Đức N phải nộp lại 5.400.000đ (năm triệu, bốn trăm

nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354876092491179.

(Theo bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.757.494đ (sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành bản án của Tòa án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6,7, 7a và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo luật định.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 1- Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại